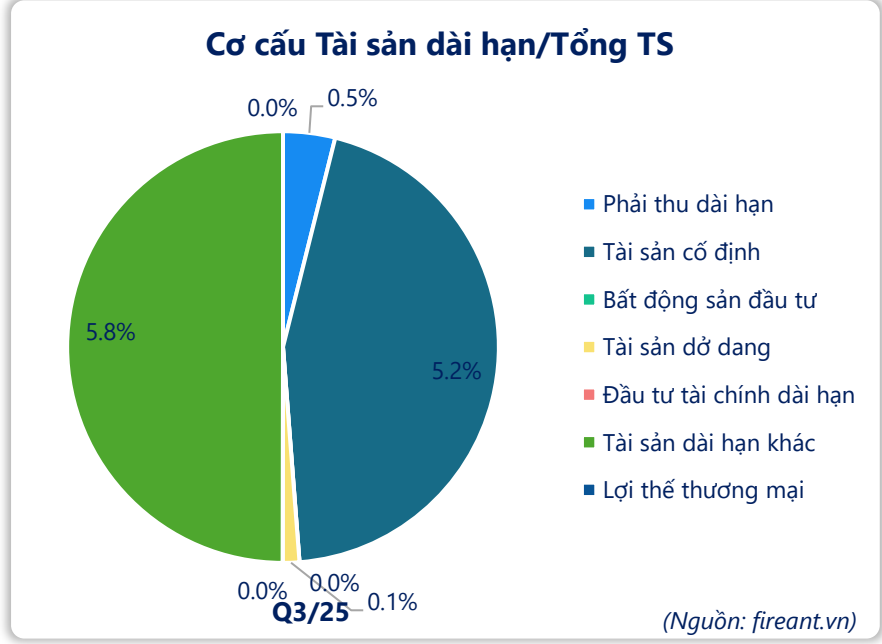
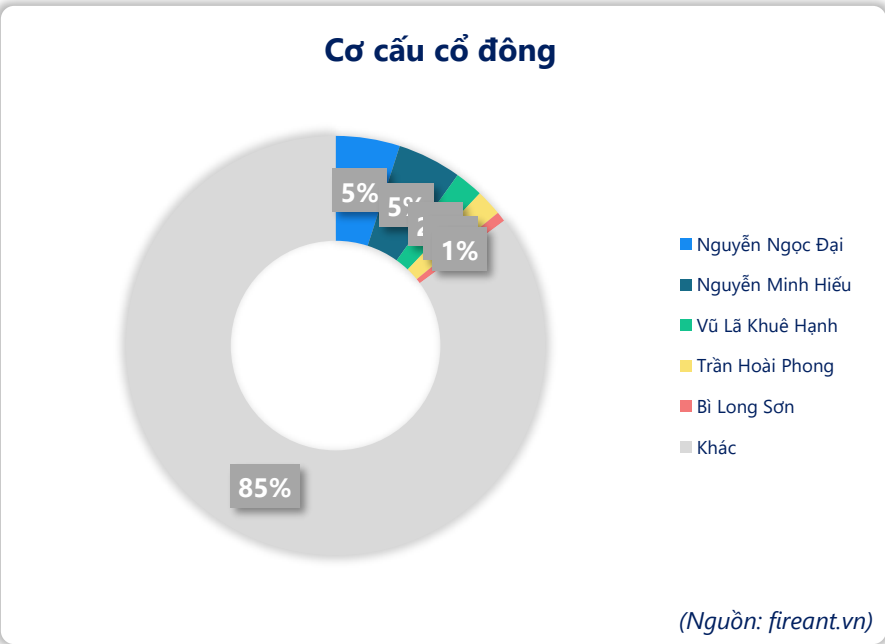
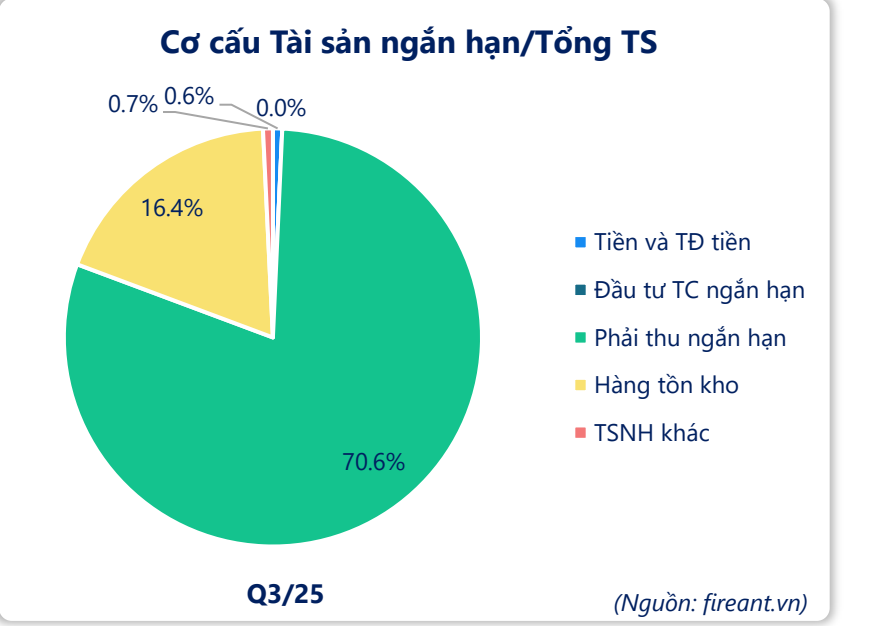
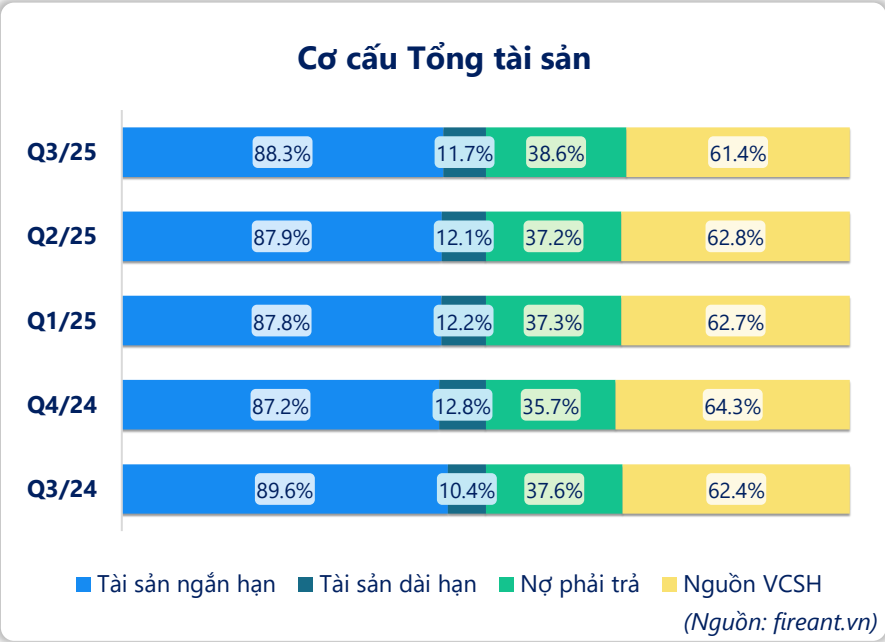
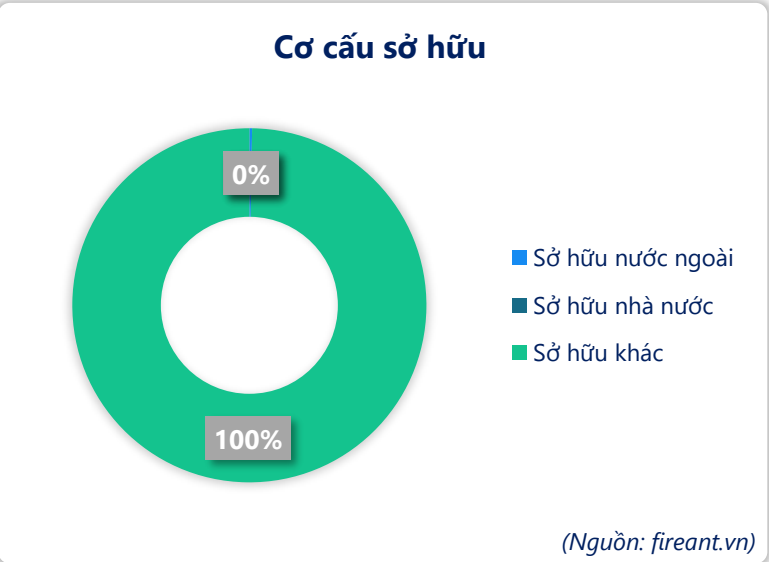
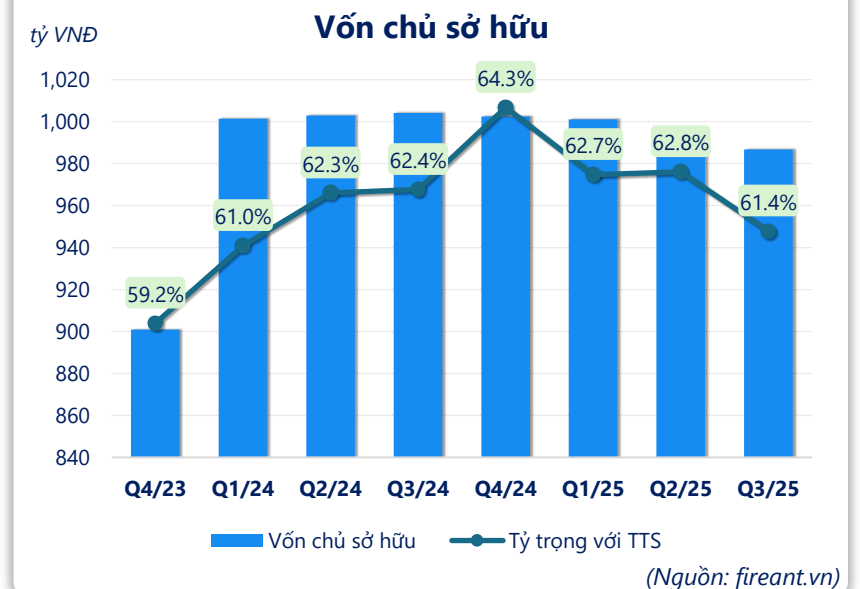
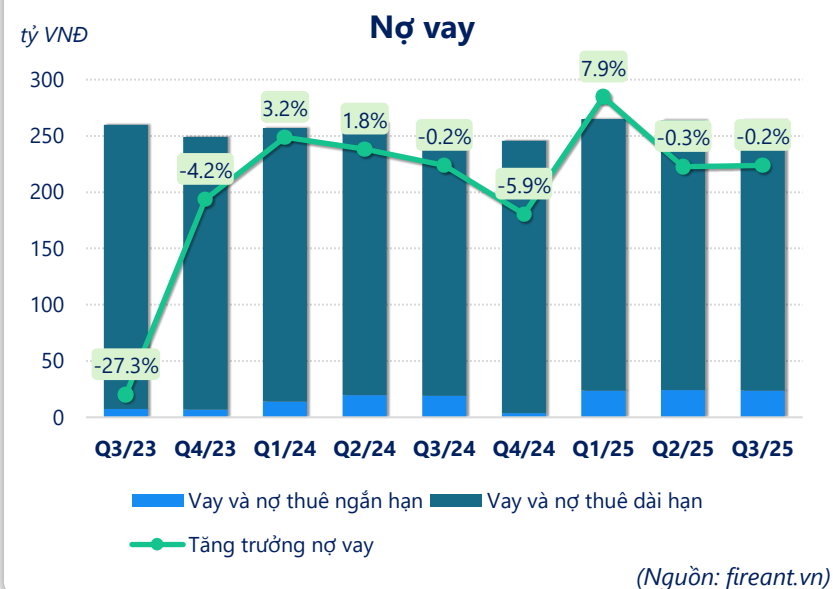
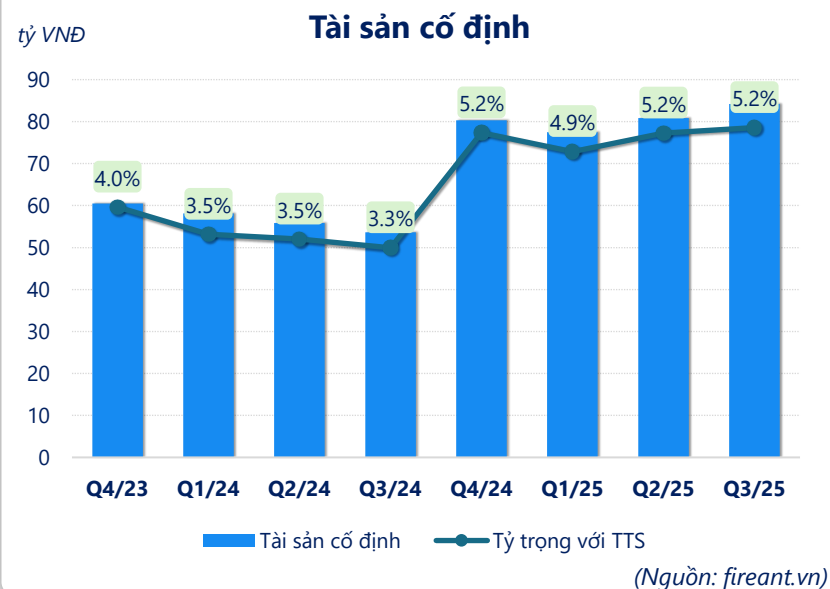
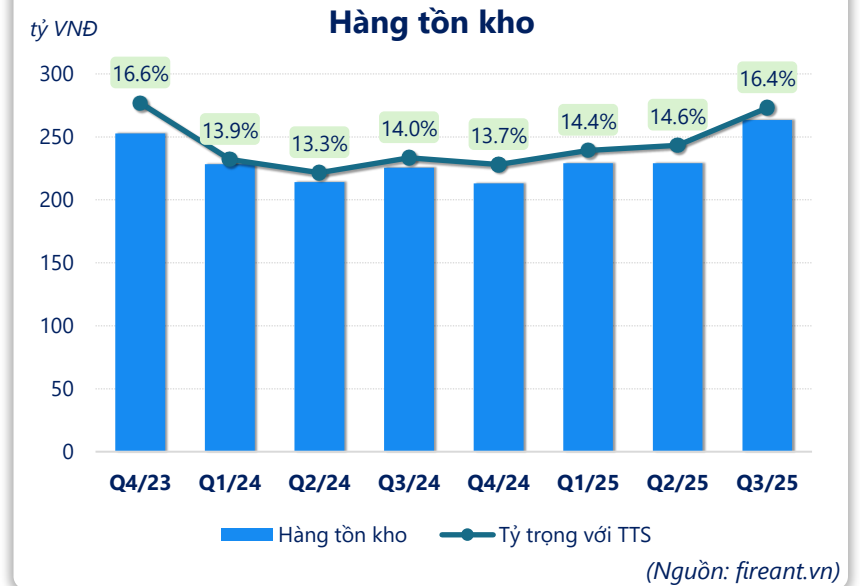
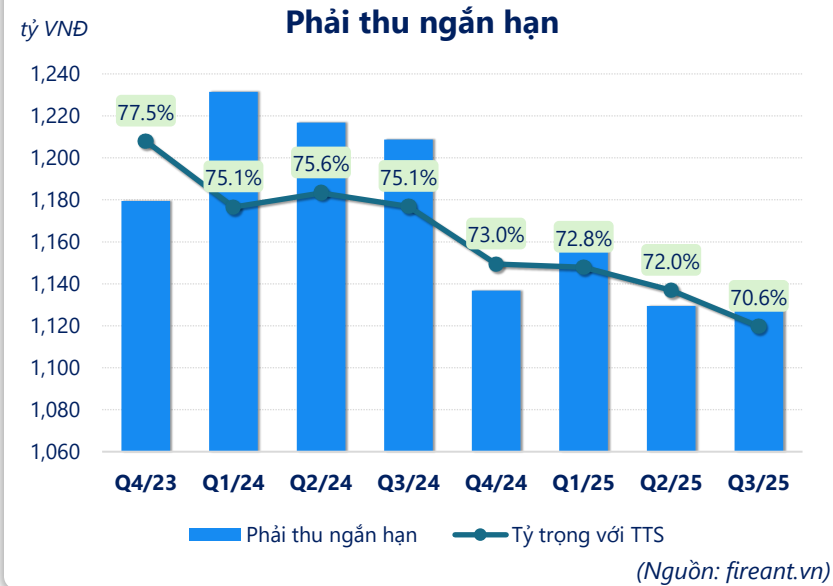
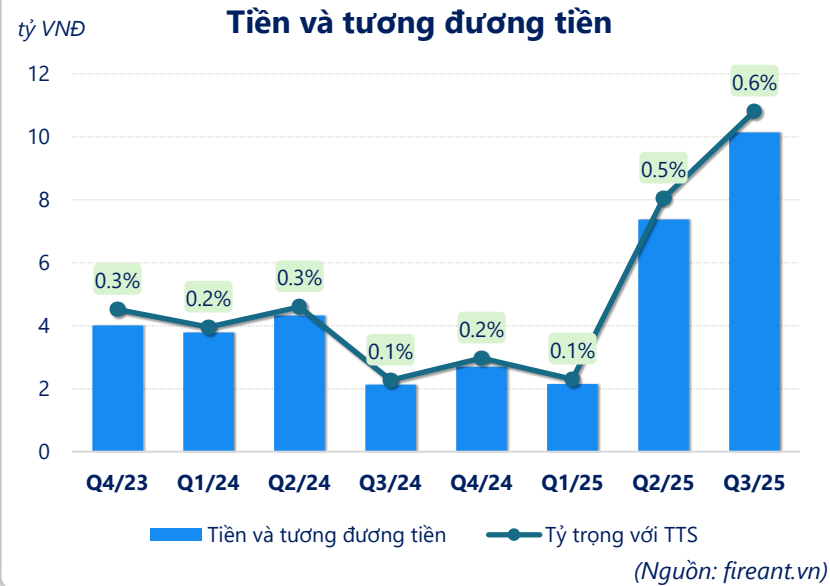
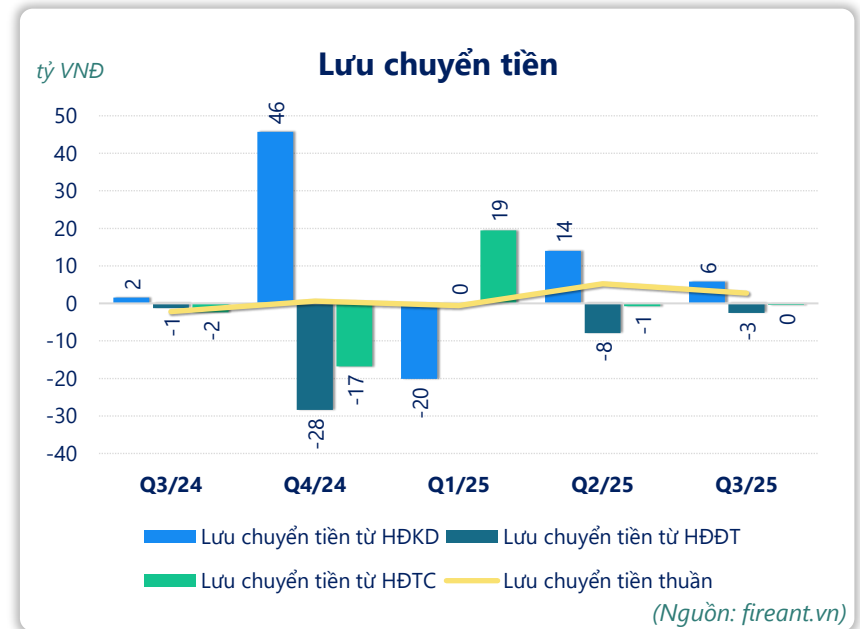
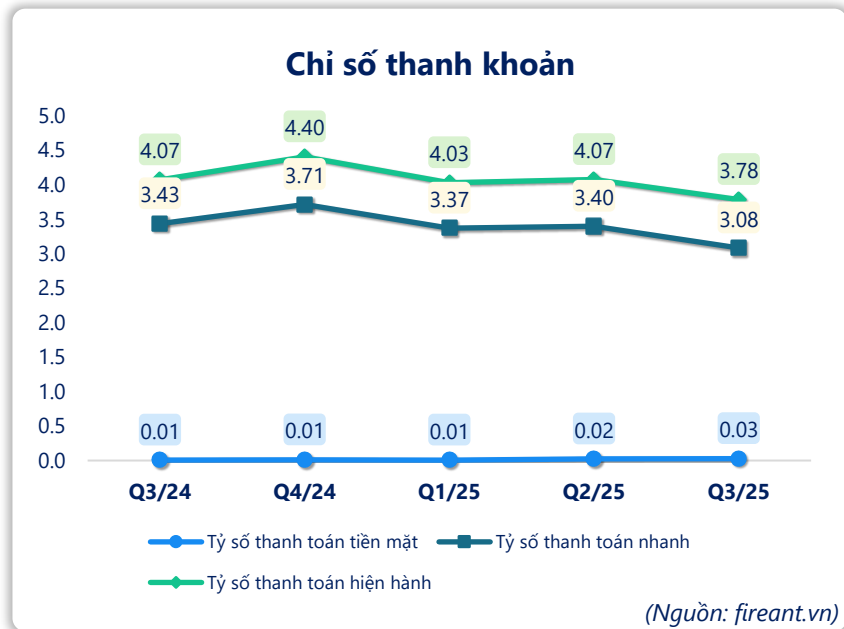
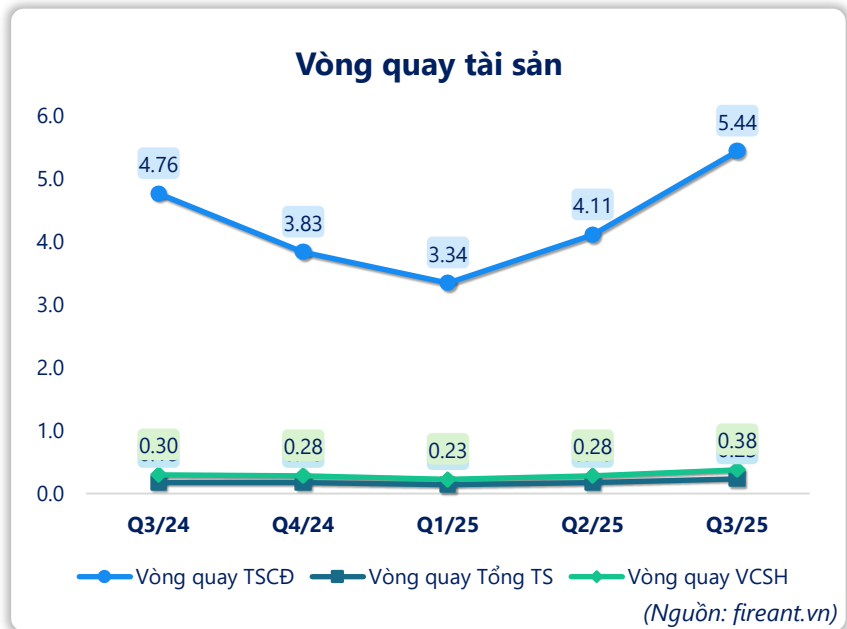
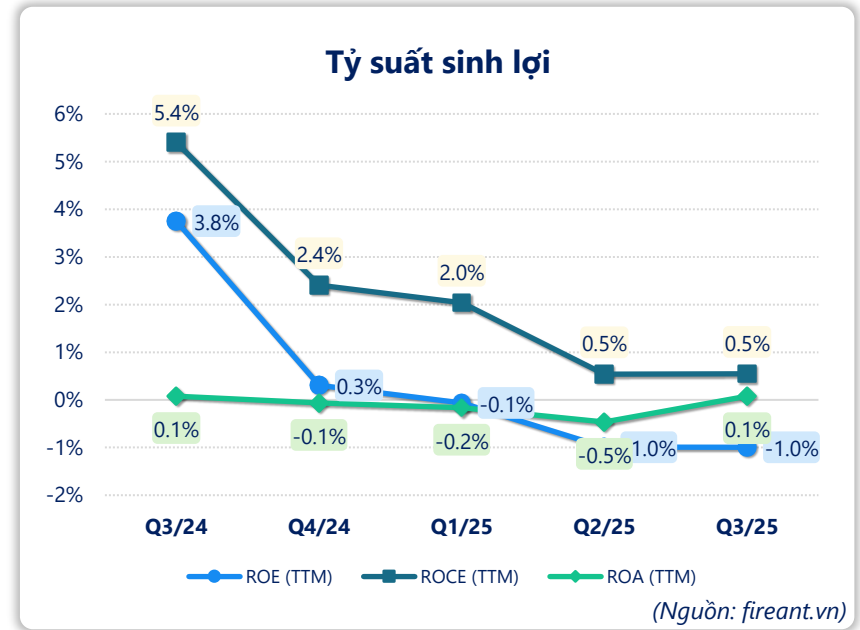
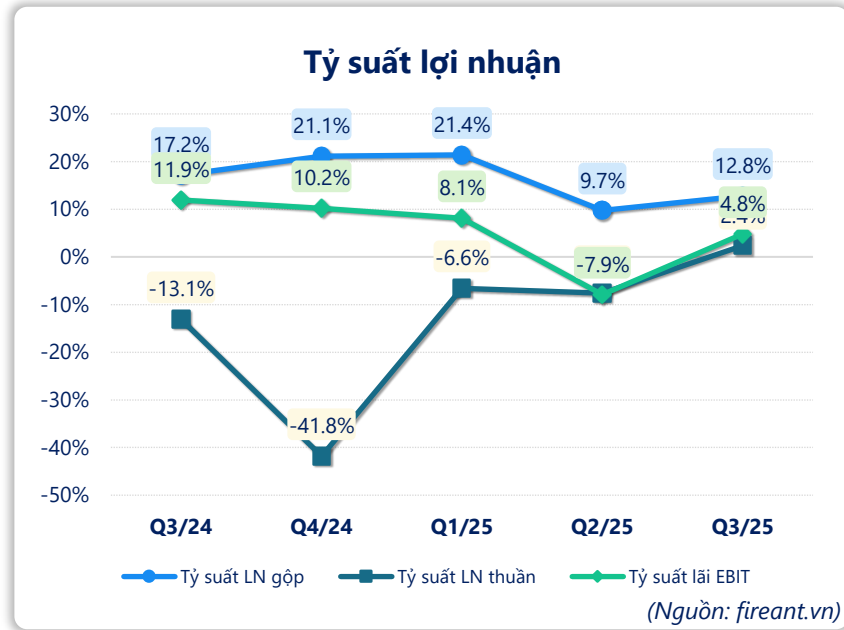
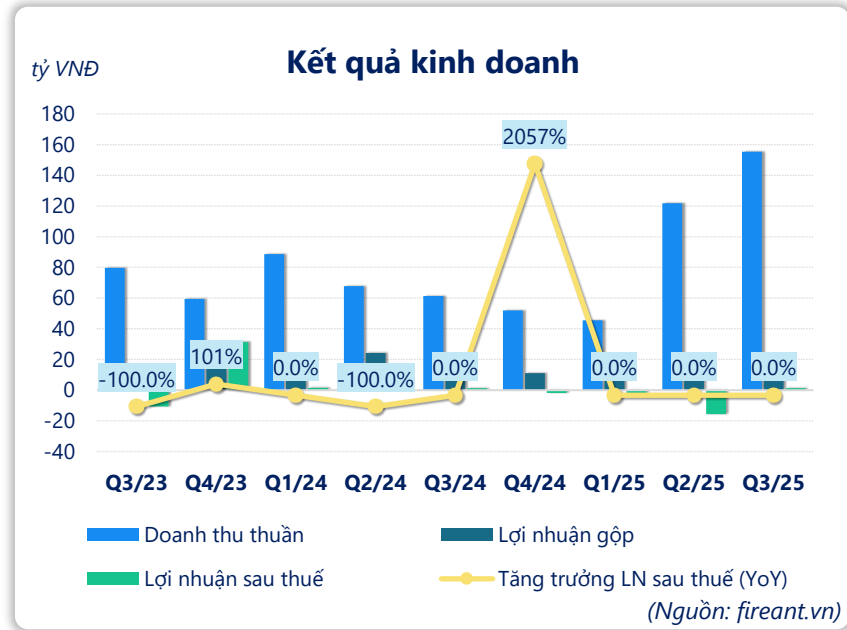


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,800
SL cổ phiếu LH		79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		227,915
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		395
P/E		-39.9
EPS		-125

	YTD	1T	3T	6T
DGT	-18.0%	-3.8%	0.0%	-9.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,607	1,558	3.2%
Tài sản ngắn hạn	1,420	1,359	4.5%
Tiền và tương đương tiền	10.1	2.70	275%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,135	1,137	-0.1%
Hàng tồn kho	263	213	23.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	6.30	71.5%
Tài sản dài hạn	188	199	-5.9%
Phải thu dài hạn	7.31	7.02	4.1%
Tài sản cố định	84.2	80.3	4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.34	6.34	-63.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	93.7	106	-11.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	620	555	11.8%
Nợ ngắn hạn	375	308	21.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.6	3.95	496%
Phải trả người bán ngắn hạn	175	135	29.5%
Nợ dài hạn	245	247	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	240	242	-0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	987	1,003	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	987	1,003	-1.6%
Vốn điều lệ	790	790	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	61.4	52.0	45.6	122	155
Giá vốn hàng bán	50.8	41.0	35.8	110	135
Lợi nhuận gộp	10.6	11.0	9.75	11.9	19.9
Doanh thu HĐTC	0.00	0.08	0.05	0.03	0.00
Chi phí TC	6.06	5.57	5.77	5.98	5.95
Chi phí lãi vay	5.99	5.65	5.77	5.96	5.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.23	5.85	3.49	9.52	6.03
Chi phí QLDN	4.29	21.4	3.53	5.61	4.22
LN thuần từ HĐKD	-8.03	-21.7	-2.99	-9.23	3.67
Lợi nhuận khác	9.37	21.4	0.93	-6.36	-2.18
LN trước thuế	1.34	-0.34	-2.07	-15.6	1.49
Lợi nhuận sau thuế	1.34	-1.78	-2.07	-15.6	1.20
LNST của CĐ cty mẹ	1.22	-1.03	-2.70	-7.37	1.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.54	45.7	-20.1	14.0	5.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.31	-28.4	0.05	-7.93	-2.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.42	-16.8	19.5	-0.79	-0.45
Tiền đầu kỳ	4.32	2.13	2.70	2.15	7.37
Lưu chuyển tiền thuần	-2.19	0.57	-0.56	5.23	2.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.13	2.70	2.15	7.37	10.1

(Nguồn: fireant.vn)